Đơn vị: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
Chương: 425

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 533/QĐ-SVHTTDL ngày 18/12/2023 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó								
				Văn phòng sở	Thư viện tỉnh	Bảo tàng tỉnh	Ban Quản lý di tích	Bảo tàng chiến thắng lịch sử ĐBP	Đoàn nghệ thuật	Trung tâm Văn hoá, Điện ảnh	Trung tâm Thông tin XTDL	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT
1	2	3	4=5+6			5	6		6	6	6	6
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**											
I	**Số thu phí, lệ phí**	**10.518**	**10.518**	**13**	**5**	**-**	**4.500**	**6.000**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Lệ phí											
2	Phí	10.518	10.518	13	5	-	4.500	6.000	-	-	-	-
	Phí tham quan	*10.500*	*10.500*				*4.500*	6.000				
	Phí thư viện	*5*	*5*		5							
	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy phép, chứng chỉ	*13*	*13*	13								
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	***5.252***	***5.252***	***1***	***1***	**-**	***2.250***	***3.000***	**-**	**-**	**-**	**-**
	Bố trí nguồn thực hiện CCTL	*630*	*630*				*270*	*360*				
	Các khoản chi phục vụ công tác thu theo quy định	*4622*	*4.622*	*1*	*1*		*1.980*	*2.640*				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	*5.266*	*10.518*	*13*	*5*	-	*4.500*	*6.000*	-	-	-	-
	Phí tham quan	*5.250*	*10.500*				*4.500*	*6.000*				
	Phí thư viện	*4*	*5*		5							
	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy phé, chứng chỉ	*12*	*13*	13								
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**100.414**	**100.414**	**37.192**	**7.036**	**5.270**	**8.157**	**6.117**	**8.276**	**14.498**	**4.992**	**8.876**
1	**Chi quản lý hành chính (L340-K341)**	**10.628**	**10.628**	**10.628**								
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	*9.158*	*9.158*	9.158								
	Kinh phí chi cải cách tiền lương		-									
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.470	1.470	1.470								
	Ban chỉ đạo TD ĐK	*50*	*50*	*50*								
	Nhuận bút	*50*	*50*	*50*								
	Các hoạt động QLNN về gia đình, phòng chống bạo lực gia đình	*300*	*300*	*300*								
	Các hoạt động QLNN về DL	*100*	*100*	*100*								
	Tuyên truyền công tác Bảo vệ môi trường của ngành du lịch tỉnh Điện Biên	*150*	*150*	*150*								
	Mua sắm trang thiết bị	*300*	*300*	*300*								
	Khoản 341	*300*	*300*	*300*								
	Sửa chữa xe ô tô	*200*	*200*	*200*								
	Tuyên truyền ma tuý	20	*20*	20								
2	**Chi sự nghiệp kinh tế (L280-K322)**	**4.842**	**4.842**	**550**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4.292**	**0**
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.892	1.892								1.892	
	Kinh phí chi cải cách tiền lương		0									
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.950	2.950	550							2.400	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.800	1.800								1.800	
	Bổ sung KP các hoạt động về du lịch (T.đó: Bao gồm KP bồi dưỡng, tập huấn hướng dẫn viên du lịch)	*500*	500	500								
	Lắp đặt hệ thống camera giám sát	*200*	200								*200*	
	Tham gia các hoạt động do TƯ tổ chức	*200*	200								*200*	
	SX ấn phẩm phục vụ công tác thông tin XTDL trong nước và quốc tế	*200*	200								*200*	
	Ban chỉ đạo phát triển du lịch	*50*	50	*50*								
3	**Chi sự nghiệp văn hóa (L160-K161)**	**65.542**	**65.542**	**18.048**	**6.076**	**4.370**	**8.157**	**6.117**	**8.276**	**14.498**	**0**	**0**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	30.082	30.082		4.026	2.970	5.730	2.517	5.226	9.613		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**35.460**	**35.460**	**18.048**	**2.050**	**1.400**	**2.427**	**3.600**	**3.050**	**4.885**	**0**	**0**
	Mua sách, báo, tạp chí	*600*	*600*		*600*							
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	*5.850*	*5.850*			*400*	*450*	*500*	*2.000*	*2.500*		
	Xây dựng chương trình nghệ thuật mới	*350*	*350*						*350*			
	Các hoạt động về văn hoá gia đình + phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hoá	*100*	*100*	*100*								
	KP tham gia các hoạt động phát hành, xuất bản phẩm+Điện ảnh	*400*	*400*							*400*		
	Tiền điện thắp sáng các điểm di tích; bảo tàng + tranh panorama	*500*	*500*				*250*	*250*				

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó								
				Văn phòng sở	Thư viện tỉnh	Bảo tàng tỉnh	Ban Quản lý di tích	Bảo tàng chiến thắng lịch sử ĐBP	Đoàn nghệ thuật	Trung tâm Văn hoá, Điện ảnh	Trung tâm Thông tin XTDL	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT
	Sửa chữa lán Mường Phăng	*150*	*150*				*150*					
	Sưu tầm hiện vật	*400*	*400*			*200*		*200*				
	Bảo hiểm cháy nổ	*685*	*685*		*50*	*100*		*450*		*85*		
	Bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn	*1.100*	*1.100*						*700*	*400*		
	Nâng cấp phần mềm số hoá hiện vật	*250*	*250*					*250*				
	Lắp đặt hệ thống lan can đảm bảo an toàn khi tham quan bức tranh panaroma	*450*	*450*					*450*				
	Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động	*1.000*	*1.000*					*1.000*				
	Chăm bón, cắt tỉa, mua bổ sung cây cảnh tại các điểm di tích	*500*	*500*				*500*					
	Công tác di sản	*200*	*200*	*200*								
	KP kiểm kê, khảo sát, tìm kiếm các điểm DT	*377*	*377*				*377*					
	Lễ hội hoa ban + Năm du lịch quốc gia	*9.000*	*9.000*	*9.000*								
	Tham gia các hoạt động do TW tổ chức	*1.100*	*1.100*			*150*	*150*			*800*		
	Hỗ trợ KP Chiếu bóng vùng cao	*700*	*700*							*700*		
	Bảo tồn lễ hội, bảo tồn trang phục truyền thống	*150*	*150*			*150*						
	KP xét tặng nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân	*50*	*50*	*50*								
	Khảo sát, nghiên cứu và khai thác thông tin về dân tộc trên địa bàn tỉnh	*50*	*50*			*50*						
	Mua sắm trang thiết bị	*650*	*650*			*250*		*400*				
	Lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích Quốc gia đặc biệt Chiến trường ĐBP	*500*	*500*				*500*					
	Bảo quản hiện vật	*250*	*250*			*100*	*50*	*100*				
	Hoạt động luân chuyển sách, xe thư viện lưu động	*150*	*150*		*150*							
	Thuê đóng báo lưu	*100*	*100*		*100*							
	Mua tài liệu số địa chí	*100*	*100*		*100*							
	Tổ chức và tham gia liên hoan cán bộ thư viện toàn quốc	*300*	*300*		*300*							
	Tổ chức ngày hội sách và VH đọc + trưng bày triển lãm sách	*100*	*100*		*100*							
	Tham gia cuộc thi đại sứ văn hóa đọc	*150*	*150*		*150*							
	Mua sắm bàn ghế, TTB phòng đọc, phòng mượn	*500*	*500*		*500*							
	Lập quy hoạch Quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	*698*	*698*	*698*								
	Sửa chữa nhà thi đấu đa năng + trụ sở II, sở VHTTDL	*5.000*	*5.000*	*5.000*								
	SC, hiện đại hóa phòng trưng bày giới thiệu tổng thể chiến dịch ĐBP trong BTCT lịch sử ĐBP	*2.500*	*2.500*	*2.500*								
	SC một số hạng mục BTCT lịch sử ĐBP	*500*	*500*	*500*								
4	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao (L220-K221)**	**9.226**	**9.226**	**600**								**8.626**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.066	4.066									4.066
	Kinh phí chi cải cách tiền lương											
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.160	5.160	600								4.560
	Tổ chức các hoạt động thể thao	500	500	500								
	Tham gia các giải khu vực	800	800									800
	KP thực hiện chế độ đối với VĐV,HLV	3.000	3.000									3.000
	Bảo hiểm cháy nổ	160	160									160
	Đăng cai, tổ chức một số giải thể thao	700	700	100								600
5	**Chi Chương trình mục tiêu quốc gia**	**10.176**	**10.176**	**7.366**	**960**	**900**	**0**	**0**	**0**	**0**	**700**	**250**
5.1	**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025**	**9.376**	**9.376**	**6.566**	**960**	**900**	**0**	**0**	**0**	**0**	**700**	**250**
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	*9.326*	*9.326*	*6516*	*960*	*900*					*700*	*250*
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	*50*	*50*	*50*								

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó								
				Văn phòng sở	Thư viện tỉnh	Bảo tàng tỉnh	Ban Quản lý di tích	Bảo tàng chiến thắng lịch sử ĐBP	Đoàn nghệ thuật	Trung tâm Văn hoá, Điện ảnh	Trung tâm Thông tin XTDL	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT
5.2	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**	**800**	**800**	**800**								
	Nội dung: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (TP3)	*200*	*200*	*200*								
	Nội dung Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khoẻ cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi) (TP6)	*600*	*600*	*600*								